

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2018

V/v xin ly hôn và tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982; (có mặt).

HKTT: Ấp ĐS, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TT 1, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Kiên Văn C (Kim Văn C)**, sinh năm 1980; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐS, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T; (không có yêu cầu).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, phòng giao dịch huyện T; (không có yêu cầu).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Kiên Văn C (Kim Văn C):*

1. Cháu Kim Khánh D, sinh ngày 08/9/2005;

Địa chỉ: Ấp ĐS, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Cháu Kim Thị NY, sinh ngày 29/6/2008;

HKTT: Ấp ĐS, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TT 1, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 30/12/2003 chị H với anh C có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại nhà cha mẹ của anh C. Đến năm 2004 thì vợ chồng xây nhà ra ở riêng, vợ chồng chung sống anh C cũng có lo làm ăn chăm lo cho vợ con, nhưng mỗi khi anh C đi uống rượu về là kiếm chuyện chửi mắng chị H, do không thể nào chịu đựng được nên chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn anh Kiên Văn C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Kim Khánh D, sinh ngày 08/9/2005 hiện đang sống chung với anh C và Kim Thị NY, sinh ngày 29/6/2008 hiện đang sống chung với chị H. Nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu NY, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị H thống nhất giao con chung tên Kim Khánh D cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Một căn nhà mái tole, nền gạch men chiều ngang 5 mét, dài 12 mét nằm trên diện tích đất 3.200 m² thuộc thửa 87 do anh C đứng tên, hiện do anh C đang quản lý sử dụng, chị H thống nhất để lại toàn bộ tài sản cho anh C tiếp tục quản lý sử dụng, chị H không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 chị H khai không có, tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2018 cũng như tại phiên tòa chị H khai có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T 15.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, phòng giao dịch huyện T 8.000.000 đồng. Nếu Ngân hàng có khởi kiện thì chị H sẽ cùng với anh C cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2018 và tại phiên tòa bị đơn Kiên Văn C (Kim Văn C) trình bày:

Anh C thống nhất với chị H về thời gian kết hôn, thời gian sống chung và thời gian ly thân, nguyên nhân chị H nộp đơn ly hôn với anh C là do anh C có uống rượu về kiếm chuyện với chị H, nay anh C đã biết lỗi của mình, anh C cũng đã đi tìm chị H để xin lỗi, nhưng không gặp được, nay anh C xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Kim Khánh D, sinh ngày 08/9/2005 hiện đang sống chung với anh C và Kim Thị NY, sinh ngày 29/6/2008 hiện đang sống chung với chị H.

Về tài sản chung: một căn nhà máy to1, nền gạch bông chiều ngang 5 mét, dài 12 mét nằm trên diện tích đất 3.200 m² thuộc thửa 87 do anh C đứng tên, do chị H bỏ đi nên toàn bộ tài sản hiện do đang quản lý sử dụng, ngoài ra chị H đang quản lý một xe honda nhưng anh không biết giá bao nhiêu, biển số mấy.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T bằng 15.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, phòng giao dịch huyện T bằng 8.000.000 đồng, yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2018 cháu Kim NY trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con là muốn được sống chung với mẹ.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2018 cháu Kim Khánh D trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của con là muốn được sống chung với cha.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

1. 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn quyền số 02 số 257 (bản chính);
2. 02 giấy khai sinh của cháu Kim Khánh D và Kim NY (bản sao).

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Kim Văn C.

Những tính tiết các bên thống nhất:

Về hôn nhân: Thống nhất về thời gian kết hôn, thời gian sống chung và thời gian sống ly thân.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung Kim Khánh D và Kim Thị NY.

Về tài sản chung: Một căn nhà máy tole, nền gạch men chiều ngang 5 mét, dài 12 mét nằm trên diện tích đất 3.200 m² thuộc thửa 87 do anh Kiên Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một xe gắn máy biển số 84 H1 029. 17 do chị Nguyễn Thị H đứng tên quyền sở hữu.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T bằng 15.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, phòng giao dịch huyện T bằng 8.000.000 đồng.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Bị đơn anh C không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Kiên Văn C (Kim Văn C) có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Theo chị H trình bày thì anh C thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng chị H và có lần còn mang quần áo của chị H đi đốt. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh C thừa nhận có uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng chị H và do giận chị H nên có mang quần áo chị H đem đốt nhưng sau khi chị H bỏ nhà đi anh C có đi tìm chị H để xin lỗi mà không gặp được chị H. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh C có phát sinh một số mâu thuẫn từ chỗ anh C thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện với chị H, tại phiên tòa chị H và anh C thừa nhận thời gian trước vợ chồng cũng đã cự cãi và chị H cũng đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống được một thời gian, sau khi vợ chồng đoàn tụ anh C vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi nên chị H đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2017 cho đến nay. Từ khi chị H bỏ nhà đi, anh C cũng có đi tìm chị H nhưng chị H cương quyết không gặp anh C, điều đó chứng tỏ chị H không còn thương yêu, quý trọng gì đối với anh C, nếu vợ chồng có đoàn tụ thì cuộc sống hôn nhân cũng không hạnh phúc, từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Kiên Văn C (Kim Văn C).

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Thị NY là phù hợp nguyện vọng được sống chung với mẹ của cháu NY. Anh C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Kim Khánh D là phù hợp nguyện vọng muốn sống chung với cha của cháu Kim Khánh D.

3. *Về mức cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Kim Thị NY, anh C không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Kim Khánh D, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H và anh C không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về tài sản:* Tại phiên tòa chị H và anh C thống nhất tài sản chung của vợ chồng có một căn nhà máy tole, nền gạch men chiều ngang 5 mét, dài 12 mét nằm trên diện tích đất 3.200 m² thuộc thửa 87 do anh C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, hiện do anh C đang quản lý sử dụng; Một xe gắn máy biển số H1- 209.17 do chị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu, hiện do chị H quản lý sử dụng. Chị H và anh C thống nhất, tài sản người nào quản lý người đó tiếp tục quản lý sử dụng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, xét thấy đây là sự tự nguyện của

anh chị không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T số tiền bằng 15.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, phòng giao dịch huyện T số tiền bằng 8.000.000 đồng. Ngày 16/3/2018 Tòa án có ban hành thông báo số 124A/2018/TB, ngày 16/3/2018 cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, phòng giao dịch huyện T biết về việc có yêu cầu khởi kiện chị H và anh C trong cùng vụ án này hay không. Ngày 20/3/2018, Tòa án có nhận được công văn số 26/CV.NHCS.TC của Ngân hàng chính sách xã hội huyện T về việc không có yêu cầu khởi kiện. Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T không có ý kiến phản hồi cho Tòa án xem như Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T không tham gia khởi kiện trong cùng vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến phần nợ chung. Vì vậy nếu sau khi ly hôn đến kỳ hạn thanh toán nợ nếu vợ chồng chị H và anh C không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền khởi kiện chị H và anh C ở một vụ kiện dân sự khác.

6. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Kiên Văn C.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim NY là phù hợp nguyện vọng được sống chung với mẹ của cháu NY, anh Kiên Văn C (Kim Văn C) không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Kim Thị NY do chị H không yêu cầu. Anh Kiên Văn C (Kim Văn C) được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Kim Khánh D là phù hợp nguyện vọng muốn sống chung với cha của cháu Kim Khánh D, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Kim Khánh D do anh C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. *Về tài sản:* Một căn nhà máy tole, nền gạch men chiều ngang 5 mét, dài 12 mét nằm trên diện tích đất 3.200 m² thuộc thửa 87 do anh C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, hiện do anh C đang quản lý sử dụng; Một xe gắn máy biển số H1- 209.17 do chị H đứng tên quyền sở hữu, hiện do chị H đang quản lý sử dụng. Chị H và anh C thống nhất, tài sản người nào quản lý người đó tiếp tục quản lý sử dụng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, Phòng giao dịch huyện T không có yêu cầu trong vụ án này. Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T không có ý kiến phản hồi cho Tòa án xem như Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T không tham gia khởi kiện trong cùng vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến phần nợ chung. Vì vậy nếu sau khi ly hôn đến kỳ hạn thanh toán nợ nếu vợ chồng chị H và anh C không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền khởi kiện chị H và anh C ở một vụ kiện dân sự khác.

5. *Về án phí:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015263 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tn.

Bị đơn anh Kim Văn C không phải chịu án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã Tập Ngãi;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thạch Thị Thu Hiền